

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 13/2023/KDTM-PT

Ngày: 21-12 - 2023

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
giao khoán nhân công*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Ngọc Thúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng giao khoán nhân công*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 796/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Ngọc Á**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số F N, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B Đ, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 10/9/2022).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1.

Địa chỉ: Số E, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật:

+ Bà **Đoàn Thị Cẩm N** – Chủ tịch Công ty.

+ Ông **Nguyễn Phú T** – Giám đốc.

Địa chỉ: Số E, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1980. Chức vụ: Nhân viên Pháp chế (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Số D, Khu phố C, C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 26/8/2022).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Ngọc Á, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, vào tháng 10 năm 2021, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 (Sau đây gọi tắt là Công Ty T1) với ông Phạm Ngọc Á thoả thuận và ký kết Hợp đồng giao khoán nhân công số 14/HĐKT-HQP-2021. Nội dung công việc là Công ty T1 sẽ cung cấp vật tư, thiết bị cho ông Á thi công toàn bộ phần xây lắp công trình cải tạo và phát triển lưới điện cung cấp điện cho xã nông thôn mới T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Thời gian thực hiện là 75 ngày. Giá trị hợp đồng là 1.029.713.000 đồng và thanh toán làm 04 lần bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngoài ra, các bên còn thoả thuận về các vấn đề điều kiện kỹ thuật; thời gian tiến độ thực hiện; điều kiện nghiệm thu, bàn giao; quy định bảo hành; tranh chấp và giải quyết tranh chấp; tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng; phạt khi vi phạm hợp đồng; bồi thường hợp đồng; quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Toàn bộ nội dung hợp đồng gồm 12 điều.

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Á có người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T1 đã tạm ứng cho ông Á 200.000.000 đồng. Ông Á bắt đầu tiến hành thi công vào ngày 26/10/2021 đến ngày 18/01/2022, hai bên phát sinh tranh chấp do Công ty H1 Phát đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Á. Công ty T1 không cho ông Á tiếp tục thi công đợt 2 mà không có lý do, Công ty khoá cửa kho không cho ông Á lấy dụng cụ. Đến ngày 22/02/2022, ông Á nhờ Thừa Phát lại Mỹ Tho lập Vi bằng về việc mở cửa kho và sau khi kiểm tra dụng cụ ông Á xác định tổng giá trị dụng cụ bị mất là 66.000.000 đồng. Ngoài số dụng cụ bị mất, ông Á còn thiệt hại khoản tiền 89.000.000 đồng là các chi phí phát sinh bao gồm chi phí thuê kho thiết bị thi công, chi phí quản lý trụ điện các loại, chi phí tập kết thiết bị thi công đến công trường, chi phí thanh lý máy đào, chi phí Thừa Phát lại, chi phí vận chuyển thiết bị thi công về, chi phí quản lý dự án.

Ông Á yêu cầu Công ty T1 phải bồi thường cho ông 50% giá trị hợp đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do theo Điều 10 của Hợp

đồng, với số tiền 514.856.500 đồng, thanh toán giá trị thi công đợt 1 là 254.350.000 đồng. Ngoài ra, Công ty T1 còn phải bồi thường cho ông Á số tiền 66.000.000 đồng là giá trị công cụ bị mất, bồi thường 89.000.000 đồng là chi phí phát sinh do đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tổng số tiền, Công ty T1 phải bồi thường và thanh toán cho ông Á là 924.206.500 đồng. Tuy nhiên, trừ đi tiền Công ty T1 đã tạm ứng cho ông Á là 200.000.000 đồng, do đó, Công ty T1 chỉ phải bồi thường và thanh toán cho ông Á số tiền 724.206.500 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 có người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Trường G trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Á, Công ty T1 không đồng ý. Công ty T1 không đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Á, nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông Á thực hiện hợp đồng nhưng không liên hệ được, công trình vẫn đang thi công chưa thể bàn giao, bản thân ông Á không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng với phía Công ty. Ngoài ra, Công ty không quản lý dụng cụ hay nhà kho của ông Á nên việc ông Á cho rằng ông bị mất dụng cụ hoàn toàn không liên quan đến Công ty T1. Bên cạnh đó, tổng số tiền Công ty đã ứng cho ông Á là 502.090.000 đồng, bao gồm tiền ứng thi công giai đoạn 1 là 256.000.000 đồng, ứng tiền trả cho nhân công ở địa phương 32.580.000 đồng, ứng tiền thuê xe chuyên chở vật liệu 119.455.000 đồng, ứng tiền mua xe cuốc 94.055.000 đồng.

Do đó, Công ty T1 có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông Á phải trả cho Công ty T1 số tiền 396.111.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó bao gồm tiền tạm ứng 297.140.000 đồng và tiền phạt 12% theo Điều 9 Hợp đồng là 98.971.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Hoàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Á. Đồng thời xác định lại số tiền Công ty T1 đã ứng trước cho ông Á là 210.000.000 đồng. Riêng đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Á chỉ đồng ý chia đôi số tiền thuê xe chuyên chở vật tư là 119.455.000 đồng với Công ty T1, các yêu cầu còn lại ông Á đều không đồng ý.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông G giữ nguyên ý kiến của Công ty T1 về việc không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng đối với yêu cầu phản tố, ông G thay đổi một phần yêu cầu của Công ty T1, đối với số tiền mua xe cuốc 94.055.000 đồng, số tiền này được cộng chung vào số tiền thuê xe chuyên chở vật tư 119.455.000 đồng thành 216.510.000 đồng và yêu cầu chia đôi số tiền này với ông Á, mỗi bên chịu 106.755.000 đồng. Do đó, tổng số tiền Công ty T1 yêu cầu ông Á phải trả cho Công ty là 289.356.000 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 292, 300, 301, 302, 303, 304 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2019; Khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Á về việc buộc Công ty TNHH MTV T1 bồi thường số tiền 724.206.500 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng H2, buộc ông Phạm Ngọc Á trả cho Công ty T1 số tiền 75.337.500 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/8/2023, nguyên đơn Phạm Ngọc Á có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 14/8/2023, bị đơn Công ty TNHH MTV T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV T1. Buộc ông Á phải hoàn trả thêm số tiền 214.078.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ thì Công ty TNHH MTV T1 có 02 người đại diện theo pháp luật là bà Đoàn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Phú T, nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm không đưa bà N vào tham gia tố tụng và cũng không có văn bản ủy quyền. Cho nên Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Đề

ngợi Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm chưa xem xét đơn kháng cáo của các đương sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Toàn án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng giao khoán nhân công*” là đúng quan hệ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn và bị đơn cùng kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH MTV T1 là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp: 1301025144, đăng ký lần đầu vào ngày 27/02/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 14/01/2022 (Bút lục 73), người đại diện theo pháp luật là Đoàn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Phú T. Ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 (Sau đây gọi tắt là Công Ty T1) với ông Phạm Ngọc Á thỏa thuận và ký kết Hợp đồng giao khoán nhân công số 14/HĐKT-HQP-2021. Nội dung công việc là Công ty T1 sẽ cung cấp vật tư, thiết bị cho ông Á thi công toàn bộ phần xây lắp công trình cải tạo và phát triển lưới điện cung cấp điện cho xã nông thôn mới T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Thời gian thực hiện là 75 ngày. Giá trị hợp đồng là 1.029.713.000 đồng và thanh toán làm 04 lần bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 11/01/2022 thì các bên phát sinh tranh chấp. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì nguyên đơn và bị đơn cùng kháng cáo bản án sơ thẩm.

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ thì thấy rằng, Tòa án sơ thẩm đã vi phạm tố tụng: Về việc đưa người tham gia tố tụng không đầy đủ: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án sơ thẩm đều xác định người đại diện theo pháp luật của Cty Hào Quang P là Đoàn Thị Cẩm N và Nguyễn Phú T. Tuy nhiên, khi ủy quyền tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm thì chỉ có anh Nguyễn Phú T ủy quyền cho anh Nguyễn Trường G. Toàn bộ hồ sơ vụ án không thể hiện ý chí của Đoàn Thị Cẩm N và chị N cũng không tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án nhưng không có văn bản xin vắng mặt hay ủy quyền. Xét thấy, theo giấy chứng nhận doanh nghiệp thì chị N là chủ sở hữu của Công ty và cũng là người cùng đại diện theo pháp luật cùng với anh Nguyễn Phú T. Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 12 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như sau:

“1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 và công ty cổ phần C có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nếu công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Như vậy, theo các quy định pháp luật nêu trên, trường hợp này là Công ty trách nhiệm hữu hạn có nhiều người đại diện theo pháp luật nhưng Điều lệ của doanh nghiệp không phân công trách nhiệm, quyền hạn cụ thể của những người đại diện theo pháp luật nên cần phải xác định chị Đoàn Thị Cẩm N cũng là đương sự tham gia tố tụng trong vụ án nhưng tòa án cấp sơ thẩm không thu thập văn bản nêu ý kiến của chị N và không triệu tập chị N tham gia quá trình tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã dừng phiên tòa phúc thẩm để triệu tập chị Cẩm N để làm rõ ý chí của chị N với tư cách người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV T1 nhưng chị N cũng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, đồng thời chị N cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình và không có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Do đó, thiếu sót của Tòa án sơ thẩm thì Tòa án phúc thẩm không thể khắc phục được. Cho nên để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong quá trình tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chưa xem xét đến nội dung kháng cáo của các đương sự .

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí : Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Xử:

1. Hủy toàn bộ án án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang đã xét xử vụ án “*Hợp đồng giao khoán nhân công*” giữa nguyên đơn là Phạm Ngọc Á và bị đơn là Công ty TNHH MTV T1 .

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: H lại ông Phạm Ngọc Á và Công ty TNHH MTV T1 mỗi người 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0008644 ngày 18/8/2023 số tiền 2.000.000 đồng (do ông Phạm Phúc Á1 nộp), biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0008656 ngày 31/8/2023 số tiền 2.000.000đồng (do Công ty TNHH MTV T1 nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt